

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300847936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2003, và đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 21 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : (84-28) 7303 4347

Theo đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ các mặt hàng vàng bạc nữ trang, đồ trang sức (trừ bạc (kể cả bạc được mạ vàng hoặc bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc ở dạng bột; vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạch kim, chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạc hoặc vàng, dát phủ bạch kim, chưa gia công quá mức bán thành phẩm) thực hiện theo Thông tư 34/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2013; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý. Chi tiết: Sản xuất, gia công, chế tác các mặt hàng vàng bạc nữ trang, đồ trang sức (trừ vàng miếng và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Quyền xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối bán buôn các mặt hàng vàng bạc nữ trang, đồ trang sức (trừ bạc (kể cả bạc được mạ vàng hoặc bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc ở dạng bột; vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạch kim, chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạc hoặc vàng, dát phủ bạch kim, chưa gia công quá mức bán thành phẩm) thực hiện theo Thông tư 34/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2013. - Quyền nhập khẩu vàng nguyên liệu dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng (trừ vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ định giá và sàn giao dịch bất động sản) theo Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật lý, ví dụ như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ của các sản phẩm Công ty kinh doanh hay các sản phẩm tương tự do các doanh nghiệp khác kinh doanh (Công ty không được thực hiện việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải);
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ đại lý hoa hồng đối với các hàng hoá doanh nghiệp thực hiện quyền phân phối bán buôn, bán lẻ;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên. Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực đá quý và trang sức;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ. Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực đá quý và trang sức;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ xếp chỗ ở khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2022 là cho thuê văn phòng và cửa hàng chuyên doanh vàng bạc đá quý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH
7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Cấu trúc của Công ty

Công ty con

Tên công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vàng Bến
Thành
Công ty Cổ phần Bến Thành Bảo Ngọc

Địa chỉ

86-88 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
4/6 Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1,
Tp. Hồ Chí Minh

Công ty liên kết

Tên công ty

Công ty Cổ phần Giám định Đá quý – Trang sức
Bến Thành

Địa chỉ

312 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1,
Tp. Hồ Chí Minh

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến
Thành – Cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc Đá quý
Bến Thành

Địa chỉ

166 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận
1, Tp. Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến
Thành – Cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc Đá quý
Tân Định

312 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1,
Tp. Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến
Thành – Xưởng sản xuất Nữ trang Bến Thành

86-88 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Vàng bạc
Đá quý Bến Thành

07 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận
1, Tp. Hồ Chí Minh

Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Vàng bạc
Đá quý Bến Thành – Trung tâm Vàng bạc Bến
Thành

Trệt + Tầng 1, Số 68 Lê Lợi, Phường Bến
Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vàng bạc
Đá quý Bến Thành – Tại Hà Nội

Số 162-164 Thái Hà, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

3. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Đại diện pháp luật

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên

Ông Phạm Minh Khánh
Ông Trần Quang Trường
Ông Phạm Minh Khánh Duy
Bà Phạm Thu Uyên
Ông Đàm Mạnh Cường

Chức vụ

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Từ nhiệm ngày 17/06/2022
Từ nhiệm ngày 17/06/2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên

Ông Lê Thanh Liêm
Ông Vũ Thanh
Ông Huỳnh Phước Gia

Chức vụ

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên

Ông Phạm Minh Khánh
Ông Cao Xuân Trường
Ông Bùi Đức Bình
Bà Nguyễn Ngọc Hân

Chức vụ

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Bổ nhiệm ngày 01/05/2022
Bổ nhiệm ngày 08/02/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH
7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Minh Khánh, chức vụ Tổng Giám đốc.

4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

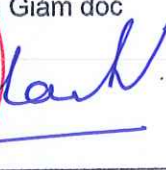
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

8. Công bố Báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



PHẠM MINH KHÁNH

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 073/2023/BCKT-HCM.01372

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Sau khi thực hiện các thủ tục kiểm toán, chúng tôi không thể thỏa mãn về bằng chứng kiểm toán liên quan đến tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục đã được ghi nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2020 và có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm: Đầu tư vào công ty liên kết với giá trị 600.000.000 VND (xem thuyết minh mục 5.10), tạm ứng của bà Lâm Kiên Định có giá trị là 2.121.594.000 VND (xem thuyết minh mục 5.3) và phải trả người bán ngắn hạn với giá trị 948.876.754 VND (xem thuyết minh mục 5.11) được trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 4.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có lỗ lũy kế là 305.446.841.298 VND dẫn đến vốn chủ sở hữu còn 12.111.222.970 VND; Nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn Tài sản ngắn hạn là 15.927.569.627 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh mục 4.1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc không xác nhận số dư tại ngày 31/12/2021 đối với khoản mục đầu tư vào công ty liên kết, khoản tạm ứng của bà Lâm Kiên Định, phải trả người bán của một số đối tượng nhà cung cấp và nêu vấn đề nhấn mạnh, vấn đề khác với báo cáo tài chính này tại ngày 25 tháng 05 năm 2022.



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

TRẦN THỊ LAN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4157-2022-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.222.315.052	8.519.888.040
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	123.211.121	195.357.042
Tiền	111		123.211.121	195.357.042
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.975.985.188	8.314.175.829
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	10.461.711.088	217.161.290
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.552.500	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3.1	6.979.792.682	14.543.090.720
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(6.481.071.082)	(6.446.076.181)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		123.118.743	10.355.169
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5.1	123.118.743	10.355.169
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.111.792.597	26.049.395.920
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.451.200.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.3.2	9.451.200.000	-
Tài sản cố định	220		-	25.900.672.267
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	-	22.600.672.267
Nguyên giá	222		453.997.507	30.262.468.365
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(453.997.507)	(7.661.796.098)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	3.300.000.000
Nguyên giá	228		153.172.060	3.453.172.060
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(153.172.060)	(153.172.060)
Bất động sản đầu tư	230	5.8	24.749.760.775	-
Nguyên giá	231		33.108.470.858	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.358.710.083)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		676.486.398	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	676.486.398	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	-	-
Đầu tư vào công ty con	251		139.752.770.000	139.752.770.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		600.000.000	600.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(140.352.770.000)	(140.352.770.000)
Tài sản dài hạn khác	260		234.345.424	148.723.653
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5.2	234.345.424	148.723.653
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		46.334.107.649	34.569.283.960

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		34.222.884.679	22.558.410.518
Nợ ngắn hạn	310		27.149.884.679	22.558.410.518
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	10.414.545.518	1.253.466.406
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	88.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.080.988.030	7.370.844.009
Phải trả người lao động	314	5.13	522.551.107	314.286.413
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.241.440.911	56.446.667
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	1.943.181.818	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	9.920.977.295	8.965.367.023
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	26.200.000	4.510.000.000
Nợ dài hạn	330		7.073.000.000	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	7.073.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.111.222.970	12.010.873.442
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	12.111.222.970	12.010.873.442
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		314.600.000.000	314.600.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		314.600.000.000	314.600.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		940.262.400	940.262.400
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.017.801.868	2.017.801.868
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(305.446.841.298)	(305.547.190.826)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(305.547.190.826)	(300.750.134.220)
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		100.349.528	(4.797.056.606)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		46.334.107.649	34.569.283.960


CHÂU THỊ THUY HẰNG

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

**PHẠM MINH KHÁNH**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		35.996.943.898	3.422.510.264
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	35.996.943.898	3.422.510.264
Giá vốn hàng bán	11	6.2	31.887.626.330	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.109.317.568	3.422.510.264
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	678.094	119.930
Chi phí tài chính	22	6.4	38.761.529	135.875.067
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		38.665.600	15.446.667
Chi phí bán hàng	25	6.5	852.497.902	1.301.021.428
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	4.426.207.954	381.376.906
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.207.471.723)	1.604.356.793
Thu nhập khác	31	6.7	1.443.116.563	119.980.000
Chi phí khác	32	6.8	135.295.312	5.057.614.488
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		1.307.821.251	(4.937.634.488)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		100.349.528	(3.333.277.695)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.12	-	1.463.778.911
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		100.349.528	(4.797.056.606)


CHÂU THỊ THÚY HẰNG

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



PHẠM MINH KHÁNH

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH

7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
Lợi nhuận trước thuế	01		100.349.528	(3.333.277.695)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02	5.8	1.150.911.492	1.083.808.492
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	6.10	34.994.901	(2.653.874.901)
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	6.3	(678.094)	(568.330)
Chi phí lãi vay	06	6.4	38.665.600	15.446.667
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.324.243.427	(4.888.465.767)
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(12.148.004.260)	(5.610.300.928)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		-	-
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17.137.387.075	(22.476.197.758)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(198.385.345)	(156.363.247)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.12	(1.027.778.514)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	124.338.237
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		5.087.462.383	(33.006.989.463)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(676.486.398)	67.103.000
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		678.094	119.930
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(675.808.304)	67.222.930
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	28.600.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	5.17	5.126.199.996	4.710.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	5.17	(9.609.999.996)	(200.000.000)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.483.800.000)	33.110.000.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(72.145.921)	170.233.467
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	5.1	195.357.042	24.675.175
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	448.400
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	123.211.121	195.357.042


CHÂU THỊ THÚY HẰNG

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

**PHẠM MINH KHÁNH**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300847936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2003, và đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 21 tháng 03 năm 2022.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ các mặt hàng vàng bạc nữ trang, đồ trang sức (trừ bạc (kể cả bạc được mạ vàng hoặc bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc ở dạng bột; vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạch kim, chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạc hoặc vàng, dát phủ bạch kim, chưa gia công quá mức bán thành phẩm) thực hiện theo Thông tư 34/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2013; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý. Chi tiết: Sản xuất, gia công, chế tác các mặt hàng vàng bạc nữ trang, đồ trang sức (trừ vàng miếng và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Quyền xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối bán buôn các mặt hàng vàng bạc nữ trang, đồ trang sức (trừ bạc (kể cả bạc được mạ vàng hoặc bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc ở dạng bột; vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạch kim, chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột; bạc hoặc vàng, dát phủ bạch kim, chưa gia công quá mức bán thành phẩm) thực hiện theo Thông tư 34/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2013. - Quyền nhập khẩu vàng nguyên liệu dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng (trừ vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ định giá và sàn giao dịch bất động sản) theo Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật lý, ví dụ như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ của các sản phẩm Công ty kinh doanh hay các sản phẩm tương tự do các doanh nghiệp khác kinh doanh (Công ty không được thực hiện việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải);
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng đối với các hàng hoá doanh nghiệp thực hiện quyền phân phối bán buôn, bán lẻ;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên. Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực đá quý và trang sức;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ. Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực đá quý và trang sức;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ xếp chỗ ở khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2022 là cho thuê văn phòng và cửa hàng chuyên doanh vàng bạc đá quý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021
Công ty con					
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vàng Bến Thành	86-88 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Bến Thành Bảo Ngọc	4/6 Phan Kế Bính, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Giám định Đá quý – Trang sức Bến Thành	312 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành – Cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc Đá quý Bến Thành	166 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành – Cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc Đá quý Tân Định	312 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành – Xưởng sản xuất Nữ trang Bến Thành	86-88 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành	07 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành – Trung tâm Vàng bạc Bến Thành	Trệt + Tầng 1, Số 68 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành – Tại Hà Nội	Số 162-164 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 28 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 28 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có lỗ lũy kế là 305.446.841.298 VND dẫn đến vốn chủ sở hữu còn 12.111.222.970 VND; Nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn Tài sản ngắn hạn là 15.927.569.627 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, các cổ đông cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Công ty bằng cách bổ sung các khoản nợ vay, không yêu cầu Công ty hoàn trả tiền nợ vay cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các loại chi phí khác. Các chi phí trả trước này đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 (ba) năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp để tạo ra phần mềm. Phần mềm máy tính này được phân bổ vào chi phí với thời gian là 5 năm.

4.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài tại 86 – 88 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty không trích khấu hao cho quyền sử dụng đất này.

Bất động sản đầu tư là nhà của vật kiến trúc và tài sản khác gắn liền với đất sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ, tài sản đã nhận được từ người bán và giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các Công ty/ đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/ Đối tượng	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vàng Bến Thành	Công ty con
Công ty Cổ phần Bến Thành Bảo Ngọc	Công ty con
Công ty Cổ phần Giám định Đá quý – Trang sức Bến Thành	Công ty liên kết
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH Một thành viên	Cổ đông lớn
Sunny Time (HongKong)	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công Ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công Ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt	Bên liên quan của cổ đông lớn
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	60.079.183	18.215.792
Tiền gửi ngân hàng – VND	63.131.938	174.009.768
Tiền gửi ngân hàng – USD	-	3.131.482
	123.211.121	195.357.042

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ BẾN THÀNH
7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các khách hàng khác				
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Phúc Ân	9.259.174.230	-	-	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Vàng kim Thanh Nguyên	660.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quế Jewelry	450.000.000	-	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH Khách Sạn Emerald Boutique	63.057.758	-	-	-
Các khách hàng khác	29.479.100	-	217.161.290	-
	10.461.711.088	-	217.161.290	-

5.3 Phải thu ngắn và dài hạn khác

5.3.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành - Ký quỹ ký cược	-	-	900.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành - Ký quỹ thuê mặt bằng	-	-	3.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Bến Thành Bảo Ngọc	4.337.977.082	(4.324.477.082)	4.327.477.082	(4.324.477.082)
Phải thu các đối tượng khác				
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Phúc Ân - Phải thu phạt vi phạm hợp đồng	400.400.000	-	-	-
Bà Lâm Kiên Định - Tạm ứng thực hiện dự án	2.121.594.000	(2.121.594.000)	2.121.594.000	(2.121.594.000)
Công ty TNHH TM Dịch vụ Quế Jewelry	-	-	1.350.000.000	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Vàng Kim Thanh Nguyên	-	-	1.980.000.000	-
Phải thu khác	119.821.600	(35.000.000)	314.019.638	(5.099)
	6.979.792.682	(6.481.071.082)	14.543.090.720	(6.446.076.181)

5.3.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ của các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành - Ký quỹ ký cược	4.170.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành - Ký quỹ thuê mặt bằng	3.550.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành - Ký quỹ thuê mặt bằng	220.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt - Ký quỹ thuê mặt bằng	270.000.000	-	-	-
Ký quỹ của các đối tượng khác				
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - Ký quỹ thuê mặt bằng	765.000.000	-	-	-
Nguyễn Thị Tuyết	476.200.000	-	-	-
	9.451.200.000	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.4 Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khác				
Công ty Cổ phần Bến Thành				
Bảo Ngọc	4.337.977.082	13.500.000	4.327.477.082	3.000.000
Ông Nguyễn Trọng Ngo	50.000.000	15.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương			5.099	-
mại Dịch vụ Vàng Bến Thành	-	-		
Tạm ứng				
Bà Lâm Kiên Định	2.121.594.000	-	2.121.594.000	-
	6.509.571.082	28.500.000	6.449.076.181	3.000.000

5.5 Chi phí trả trước ngắn và dài hạn

5.5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí sửa chữa	74.391.957	-
Chi phí khác	48.726.786	10.355.169
	123.118.743	10.355.169

5.5.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí thuê sử dụng đất	21.713.365	-
Công cụ, dụng cụ	106.418.052	107.777.466
Chi phí sửa chữa	44.796.314	-
Chi phí khác	61.417.693	40.946.187
	234.345.424	148.723.653

5.6 Tình hình tăng / (giảm) tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2022	29.565.447.080	316.363.636	380.657.649	30.262.468.365
Phân loại lại	(29.356.696.122)	(316.363.636)	(135.411.100)	(29.808.470.858)
Tại ngày 31/12/2022	208.750.958	-	245.246.549	453.997.507
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2022	6.964.774.813	316.363.636	380.657.649	7.661.796.098
Phân loại lại	(6.756.023.855)	(316.363.636)	(135.411.100)	(7.207.798.591)
Tại ngày 31/12/2022	208.750.958	-	245.246.549	453.997.507
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	22.600.672.267	-	-	22.600.672.267
Tại ngày 31/12/2022	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2022	208.750.958	316.363.636	380.657.649	905.772.243
Tại ngày 31/12/2022	208.750.958	-	245.246.549	453.997.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.7 Tình hình tăng / (giảm) tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	3.300.000.000	153.172.060	3.453.172.060
Phân loại lại	(3.300.000.000)	-	(3.300.000.000)
Tại ngày 31/12/2022	-	153.172.060	153.172.060
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	-	153.172.060	153.172.060
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	-	153.172.060	153.172.060
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	3.300.000.000	-	3.300.000.000
Tại ngày 31/12/2022	-	-	-

Tại ngày 31/12/2022, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 153.172.060 VND (tại ngày 31/12/2021: 153.172.060 VND).

5.8 Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2022	-	-	-	-	-
Phân loại lại	3.300.000.000	29.356.696.122	316.363.636	135.411.100	33.108.470.858
Tại ngày 31/12/2022	3.300.000.000	29.356.696.122	316.363.636	135.411.100	33.108.470.858
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2022	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	6.756.023.855	316.363.636	135.411.100	7.207.798.591
Khấu hao trong năm	-	1.150.911.492	-	-	1.150.911.492
Tại ngày 31/12/2022	-	7.906.935.347	316.363.636	135.411.100	8.358.710.083
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2022	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	3.300.000.000	21.449.760.775	-	-	24.749.760.775

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2022	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	-	-	316.363.636	135.411.100	451.774.736

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ 86 – 88 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà cửa vật kiến trúc tại địa chỉ 312 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thu nhập từ việc cho thuê và chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh (bao gồm chi phí sửa chữa và bảo dưỡng) phát sinh từ bất động sản đầu tư liên quan và không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê trong năm được trình tại mục 6.1 và 6.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2022 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2022 VND
Chi phí sửa chữa	-	676.486.398	-	676.486.398
	-	676.486.398	-	676.486.398

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vàng Bến Thành	127.602.770.000	(127.602.770.000)	127.602.770.000	(127.602.770.000)
Công ty Cổ phần Bến Thành Bảo Ngọc	12.150.000.000	(12.150.000.000)	12.150.000.000	(12.150.000.000)
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Giám định Đá quý – Trang sức Bến Thành	600.000.000	(600.000.000)	600.000.000	(600.000.000)
	140.352.770.000	(140.352.770.000)	140.352.770.000	(140.352.770.000)

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán - Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	7.614.129.032	7.614.129.032	285.532.152	285.532.152
Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành	548.860.000	548.860.000	-	-
Công ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt	877.552.846	877.552.846	-	-
Sunny Time (HongKong)	538.437.500	538.437.500	538.437.500	538.437.500
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành	209.544.496	209.544.496	-	-
Phải trả người bán – Các đối tượng khác				
Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Trịnh Trần	294.682.596	294.682.596	294.682.596	294.682.596
Công ty TNHH TM Cơ điện Trí Việt	115.756.658	115.756.658	115.756.658	115.756.658
Nguyễn Thị Tuyết	107.145.000	107.145.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	108.437.390	108.437.390	19.057.500	19.057.500
	10.414.545.518	10.414.545.518	1.253.466.406	1.253.466.406

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, phải trả người bán không có xác nhận công nợ có giá trị là 948.876.754 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ BẾN THÀNH
7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Số phát sinh trong năm		31/12/2022
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ đã khấu trừ VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.549.094.937	1.298.474.704	(2.530.458.708)	1.317.110.933
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.392.105.376	-	(1.027.778.514)	364.326.862
Thuế thu nhập cá nhân	113.938.310	79.492.533	(185.778.498)	7.652.345
Tiền thuê đất và thuế sử dụng đất	426.206.852	1.002.120.507	(264.099.640)	1.164.227.719
Thuế môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-
Các loại thuế khác	2.889.498.534	62.322.319	(2.724.150.682)	227.670.171
Cộng	7.370.844.009	2.450.410.063	(6.740.266.042)	3.080.988.030

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	100.349.528	(3.333.277.695)
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng/ (giảm)		
- Chi phí không được trừ	121.262.319	5.111.570.211
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	221.611.847	1.778.292.516
Lỗ tính thuế được sử dụng	(221.611.847)	(1.778.292.516)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
Điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp năm trước	-	1.463.778.911
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.463.778.911

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm tính từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Được chuyển lỗ đến năm	Số lỗ được mang sang	Lỗ đã sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Không được chuyển lỗ	Chuyển lỗ chưa sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
		VND	VND	VND	VND
2018	2023	1.453.239.693	221.611.847	-	1.231.627.846
2020	2025	821.378.517	-	-	821.378.517
		2.274.618.210	221.611.847	-	2.053.006.363

Tiền thuê đất và thuế sử dụng đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.13 Phải trả người lao động

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền lương thưởng còn phải trả người lao động	522.551.107	314.286.413
	522.551.107	314.286.413

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí thuê mặt bằng	1.215.440.911	-
Chi phí bảo trì máy lạnh	26.000.000	-
Chi phí lãi vay	-	15.446.667
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	41.000.000
	1.241.440.911	56.446.667

5.15 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền nhận trước về cho thuê văn phòng		
Công ty Cổ phần Prowtech International Vina	1.818.181.818	-
Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo Ieltspower	125.000.000	-
	1.943.181.818	-

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2022 Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	01/01/2022 Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả bên liên quan				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vàng Bến Thành	5.182.941.694	5.182.941.694	5.264.358.423	5.264.358.423
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	-	-	270.000.000	270.000.000
Ông Phạm Minh Khánh – lãi vay phải trả	54.112.267	54.112.267	-	-
Phải trả các đối tượng khác				
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn thuê mặt bằng	4.596.972.300	4.596.972.300	2.696.000.000	2.696.000.000
Bảo hiểm xã hội	34.694.034	34.694.034	322.000	322.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Vàng Kim Thanh Nguyễn	-	-	732.600.000	732.600.000
Phải trả khác	52.257.000	52.257.000	2.086.600	2.086.600
	9.920.977.295	9.920.977.295	8.965.367.023	8.965.367.023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả bên liên quan				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành - góp vốn hợp tác kinh doanh (*)	270.000.000	270.000.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác				
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn thuê mặt bằng	6.803.000.000	6.803.000.000	-	-
	7.073.000.000	7.073.000.000	-	-

(*) Đây là khoản góp vốn bằng tiền mặt để làm vốn lưu động phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty tại địa điểm thuê.

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên liên quan				
Ông Phạm Minh Khánh (*)	26.200.000	26.200.000	4.510.000.000	4.510.000.000
	26.200.000	26.200.000	4.510.000.000	4.510.000.000

(*) Khoản vay ngắn hạn của Ông Phạm Minh Khánh theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/HĐV-BTJ ngày 25 tháng 07 năm 2021, lãi suất 0,2%/năm, mục đích vay: thanh toán tiền lương còn nợ cho người lao động và các khoản nợ khác liên quan, bao gồm các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn (nếu có) và các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến người lao động theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

	01/01/2022 VND	Vay trong năm VND	Thanh toán trong năm VND	31/12/2022 VND
Vay bên liên quan				
Ông Phạm Minh Khánh	4.510.000.000	5.126.199.996	(9.609.999.996)	26.200.000
	4.510.000.000	5.126.199.996	(9.609.999.996)	26.200.000

5.18 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Năm trước					
Tại ngày 01/01/2021	286.000.000.000	940.262.400	2.017.801.868	(300.750.134.220)	(11.792.069.952)
Tăng vốn trong năm	28.600.000.000	-	-	-	28.600.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(4.797.056.606)	(4.797.056.606)
Tại ngày 31/12/2021	314.600.000.000	940.262.400	2.017.801.868	(305.547.190.826)	12.010.873.442
Năm nay					
Tại ngày 01/01/2022	314.600.000.000	940.262.400	2.017.801.868	(305.547.190.826)	12.010.873.442
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	100.349.528	100.349.528
Tại ngày 31/12/2022	314.600.000.000	940.262.400	2.017.801.868	(305.446.841.298)	12.111.222.970

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Ông Phạm Minh Khánh	226.528.880.000	72,00%	226.528.880.000	72,00%
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH				
Một thành viên	57.565.310.000	18,30%	57.565.310.000	18,30%
Sunny Time (Hong Kong) Limited	5.753.050.000	1,83%	5.753.050.000	1,83%
Các cổ đông khác	24.752.760.000	7,87%	24.752.760.000	7,87%
	314.600.000.000	100%	314.600.000.000	100%

5.18.3 Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.460.000	31.460.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.460.000	31.460.000
- Cổ phiếu phổ thông	31.460.000	31.460.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	31.460.000	31.460.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu cho thuê bất động sản	35.996.943.898	3.422.510.264
	35.996.943.898	3.422.510.264

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn cho thuê bất động sản	31.887.626.330	-
	31.887.626.330	-

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	678.094	119.930
	678.094	119.930

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	38.665.600	15.446.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	95.929	448.400
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	119.980.000
và tổn thất đầu tư	-	-
	38.761.529	135.875.067

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH
7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	244.797.902	206.399.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	10.440.144
Thuế, phí, lệ phí	-	1.075.680.781
Chi phí hoa hồng môi giới	607.700.000	-
Chi phí bán hàng khác	-	8.501.503
	852.497.902	1.301.021.428

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.628.072.433	1.544.877.295
Chi phí đồ dùng văn phòng	56.962.714	12.477.439
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.150.911.492	1.150.911.492
Thuế, phí, lệ phí	72.417.440	15.030.726
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng	34.994.901	(2.653.880.000)
Chi phí dịch vụ	199.248.625	297.303.770
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	283.600.349	14.656.184
	4.426.207.954	381.376.906

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thuê đất năm 2021 được giảm	239.612.933	-
Thu bồi thường, vi phạm hợp đồng	1.200.400.000	-
Điều chỉnh đầu tư theo xác nhận vốn góp	-	119.980.000
Thu nhập khác	3.103.630	-
	1.443.116.563	119.980.000

6.8 Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Truy thu thuế và phạt vi phạm	42.400.000	-
Chi trả bồi thường do vi phạm hợp đồng	55.322.319	5.057.522.688
Chi phí khác	152.993	91.800
Phạt vi phạm hợp đồng	37.420.000	-
	135.295.312	5.057.614.488

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	76.478.992	22.917.583
Chi phí nhân viên	3.820.211.054	1.751.276.295
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.150.911.492	1.150.911.492
Thuế, phí, lệ phí	984.633.800	1.090.711.507
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng	34.994.901	(2.653.880.000)
Chi phí thuê mặt bằng	27.369.803.863	-
Chi phí dịch vụ	3.182.967.672	297.303.770
Chi phí bằng tiền khác	546.330.412	23.157.687
	37.166.332.186	1.682.398.334

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Phạm Minh Khánh	Lãi vay	38.665.600	15.446.667
	Vay	5.126.199.996	-
	Trả nợ vay	9.609.999.996	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong thuyết minh mục 5.16.1 và 5.17.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị		
Ông Phạm Minh Khánh	20.000.000	-
Ông Trần Quang Trường	12.000.000	-
Ông Phạm Minh Khánh Duy	12.000.000	-
Thù lao của Ban Kiểm soát		
Ông Lê Thanh Liêm	12.000.000	-
Ông Vũ Thanh	8.000.000	-
Ông Huỳnh Phước Gia	8.000.000	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		
Ông Phạm Minh Khánh	352.740.000	344.750.000
Ông Cao Xuân Trường	189.169.085	155.724.000
Ông Bùi Đức Bình	176.600.909	-
Bà Nguyễn Ngọc Hân	110.480.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ BẾN THÀNH
7 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

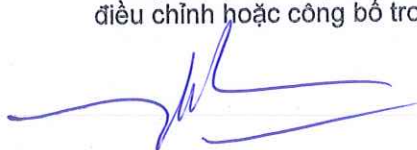
Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành	Chi phí thuê mặt bằng	8.740.175.963	-
	Chi phí dịch vụ khác	535.227.025	-
	Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	42.400.000	-
	Ký cược ký quỹ	3.270.000.000	900.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	Chi phí thuê mặt bằng	14.621.935.483	285.532.152
	Chi phí dịch vụ khác	1.297.819.809	-
	Ký cược ký quỹ	220.000.000	-
Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành	Chi phí thuê mặt bằng	630.000.000	-
Công ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt	Chi phí thuê mặt bằng	245.454.546	-
	Chi phí dịch vụ khác	6.254.372	-
	Ký cược ký quỹ	270.000.000	-

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan:

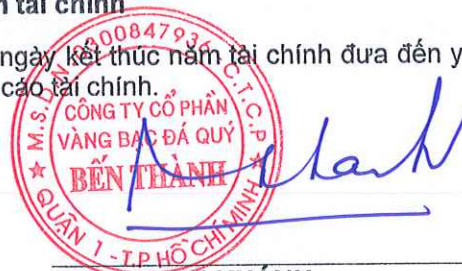
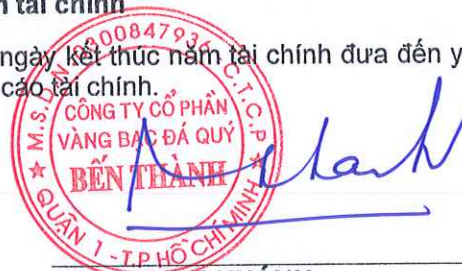
Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vàng Bến Thành	Phải trả khác	(5.182.941.694)	(5.264.358.423)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành	Ký quỹ, ký cược	4.170.000.000	900.000.000
	Phải trả người bán	(209.544.496)	(209.544.496)
Công ty Cổ phần Bến Thành Bảo Ngọc	Phải thu ngắn hạn khác	4.337.977.082	4.327.477.082
Sunny Time (HongKong)	Phải trả người bán	(538.437.500)	(538.437.500)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	Ký quỹ, ký cược	3.550.000.000	3.550.000.000
	Phải trả người bán	(7.614.129.032)	(285.532.152)
	Phải trả khác	(270.000.000)	(270.000.000)
Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành	Ký quỹ, ký cược	220.000.000	-
	Phải trả người bán	(548.860.000)	-
Công ty Cổ phần Bến Thành Nhất Việt	Ký quỹ, ký cược	270.000.000	-
	Phải trả người bán	(877.552.846)	-

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.



CHÂU THỊ THÚY HẰNG
Người lập/ Kế toán trưởng

PHẠM MINH KHÁNH
Tổng Giám Đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023